TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2025/KDTM-ST
Ngày: 30/9/2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Tiên

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Danh Cư.
2. Bà Thái Thục Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Phương – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Nhàn – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại Cơ sở 1, Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 52/2025/TLST-KDTM ngày 21 tháng 5 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 466/2025/QĐXX-KDTM ngày 27 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 410/2025/QĐST-KDTM ngày 12 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V; Trụ sở: số a, đường b, phường Đống Đa (phường Láng Hạ, quận Đống Đa cũ), thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật ông Ngô Chí D – Chủ tịch hội đồng quản trị;

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đỗ Thành T- Phó giám đốc trung tâm xử lý nợ pháp lý theo văn bản uỷ quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/7/2020.

Người đại diện hợp pháp: Ông Huỳnh Minh Đ hoặc ông Lê Gia Đ1; Địa chỉ: số c, đường d phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo văn bản uỷ quyền số 6019/2023/UQ-PGĐ ngày 18/8/2023)

(Đương sự có mặt)

Bị đơn: Công ty TNHH D; Trụ sở: số e, đường f, phường Phú Định (Phường 16, Quận 8 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H; Địa chỉ thường trú: Khu phố m, phường Nhị Quý, tỉnh Đồng Tháp; Địa chỉ cư

trú: số g, đường h, phường Bình Phú (Phường 16, Quận 8 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

(Đương sự vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1984; Địa chỉ thường trú: Khu phố m, phường Nhị Quý, tỉnh Đồng Tháp; Địa chỉ cư trú: số g, đường h, phường Bình Phú (Phường 16, Quận 8 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

(Đương sự vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Phương Th; Địa chỉ: số g, đường h, phường Bình Phú (Phường 16, Quận 8 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

(Đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 11 năm 2021 nộp tại Toà ngày 02/12/2022 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V có người đại diện theo ủy quyền là ông Huỳnh Minh Đ trình bày: Công ty TNHH D đã vay vốn tại Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh Sài Gòn theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: SME/LTK/19/0029/HDHM ký ngày 15/5/2019 được giải ngân theo các khế ước nhận nợ:

+ Lần: 05/Số: SME/LTK/19/0029/HDHM-5 ký ngày 18/7/2019, số tiền vay là 219.000.000 đồng (Hai trăm mười chín triệu đồng); Thời hạn vay 12 tháng; Lãi suất 16.3%/năm, điều chỉnh 01 tháng/01 lần; Ngày giải ngân 18/7/2019, ngày đến hạn 18/7/2020; Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh buôn bán sản phẩm thiết bị đồ dùng gia đình (thiết bị đồ điện gia dụng).

+ Lần: 07/Số: SME/LTK/19/0029/HDHM-7 ký ngày 20/8/2019, số tiền vay là 161.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi mốt triệu đồng); Thời hạn vay 12 tháng; Lãi suất 16.3%/năm, điều chỉnh 01 tháng/01 lần; Ngày giải ngân 20/8/2019, ngày đến hạn 20/8/2020; Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh buôn bán sản phẩm thiết bị đồ dùng gia đình (thiết bị đồ điện gia dụng).

+ Lần: 12/Số: SME/LTK/19/0029/HDHM-12 ký ngày 29/10/2019, số tiền vay là 1.103.820.784 đồng (Một tỷ một trăm lẻ ba triệu tám trăm hai mươi nghìn bảy trăm tám mươi bốn đồng); Thời hạn vay 12 tháng; Lãi suất 16.9%/năm, điều chỉnh 01 tháng/01 lần; Ngày giải ngân 29/10/2019, ngày đến hạn 29/10/2020; Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh buôn bán sản phẩm thiết bị đồ dùng gia đình (thiết bị đồ điện gia dụng).

+ Lần: 13/Số: SME/LTK/19/0029/HDHM-13 ký ngày 30/10/2019, số tiền vay là 896.293.090 đồng (Tám trăm chín mươi sáu triệu hai trăm chín mươi ba nghìn không trăm chín mươi đồng); Thời hạn vay 12 tháng; Lãi suất 16.9%/năm, điều chỉnh 01

tháng/01 lần; Ngày giải ngân 30/10/2019, ngày đến hạn 30/10/2020; Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh buôn bán sản phẩm thiết bị đồ dùng gia đình (thiết bị đồ điện gia dụng).

+ Lần: 14/Số: SME/LTK/19/0029/HDHM-14 ký ngày 01/11/2019, số tiền vay là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng); Thời hạn vay 12 tháng; Lãi suất 16.9%/năm, điều chỉnh 01 tháng/01 lần; Ngày giải ngân 01/11/2019, ngày đến hạn 01/11/2020; Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh buôn bán sản phẩm thiết bị đồ dùng gia đình (thiết bị đồ điện gia dụng).

+ Lần: 15/Số: SME/LTK/19/0029/HDHM-15 ký ngày 28/11/2019, số tiền vay là 249.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi chín triệu đồng); Thời hạn vay 12 tháng; Lãi suất 16.6%/năm, điều chỉnh 01 tháng/01 lần; Ngày giải ngân 28/11/2019, ngày đến hạn 28/11/2020; Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh buôn bán sản phẩm thiết bị đồ dùng gia đình (thiết bị đồ điện gia dụng).

+ Lần: 16/Số: SME/LTK/19/0029/HDHM-16 ký ngày 26/12/2019, số tiền vay là 195.250.000 đồng (Một trăm chín mươi lăm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng); Thời hạn vay 12 tháng; Lãi suất 16.6%/năm, điều chỉnh 01 tháng/01 lần; Ngày giải ngân 26/12/2019, ngày đến hạn 26/12/2020; Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh buôn bán sản phẩm thiết bị đồ dùng gia đình (thiết bị đồ điện gia dụng).

+ Lần: 17/Số: SME/LTK/19/0029/HDHM-17 ký ngày 07/01/2020, số tiền vay là 173.700.011 đồng (Một trăm bảy mươi ba triệu bảy trăm nghìn không trăm mười một đồng); Thời hạn vay 12 tháng; Lãi suất 16.6%/năm, điều chỉnh 01 tháng/01 lần; Ngày giải ngân 07/01/2020, ngày đến hạn 07/01/2021; Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh buôn bán sản phẩm thiết bị đồ dùng gia đình (thiết bị đồ điện gia dụng).

+ Lần: 18/Số: SME/LTK/19/0029/HDHM-18 ký ngày 05/02/2020, số tiền vay là 201.500.000 đồng (Hai trăm lẻ một triệu năm trăm nghìn đồng); Thời hạn vay 12 tháng; Lãi suất 16.6%/năm, điều chỉnh 01 tháng/01 lần; Ngày giải ngân 05/02/2020, ngày đến hạn 05/02/2021; Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh buôn bán sản phẩm thiết bị đồ dùng gia đình (thiết bị đồ điện gia dụng).

+ Lần: 19/Số: SME/LTK/19/0029/HDHM-19 ký ngày 27/02/2020, số tiền vay là 190.859.988 đồng (Một trăm chín mươi triệu tám trăm năm mươi chín nghìn chín trăm tám mươi tám đồng); Thời hạn vay 12 tháng; Lãi suất 16.6%/năm, điều chỉnh 01 tháng/01 lần; Ngày giải ngân 27/02/2020, ngày đến hạn 27/02/2021; Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh buôn bán sản phẩm thiết bị đồ dùng gia đình (thiết bị đồ điện gia dụng).

+ Lần: 20/Số: SME/LTK/19/0029/HDHM-20 ký ngày 06/3/2020, số tiền vay là

226.600.002 đồng (Hai trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm nghìn không trăm lẻ hai đồng); Thời hạn vay 12 tháng; Lãi suất 16.6%/năm, điều chỉnh 01 tháng/01 lần; Ngày giải ngân 06/3/2020, ngày đến hạn 06/3/2021; Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh buôn bán sản phẩm thiết bị đồ dùng gia đình (thiết bị đồ điện gia dụng).

+ Lần: 21/Số: SME/LTK/19/0029/HDHM-21 ký ngày 07/4/2020, số tiền vay là 254.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi bốn triệu đồng); Thời hạn vay 12 tháng; Lãi suất 17.5%/năm, điều chỉnh 01 tháng/01 lần; Ngày giải ngân 07/4/2020, ngày đến hạn 07/4/2021; Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh buôn bán sản phẩm thiết bị đồ dùng gia đình (thiết bị đồ điện gia dụng).

+ Lần: 22/Số: SME/LTK/19/0029/HDHM-22 ký ngày 10/4/2020, số tiền vay là 150.062.669 đồng (Một trăm năm mươi triệu không trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm sáu mươi chín đồng); Thời hạn vay 12 tháng; Lãi suất 17.5%/năm, điều chỉnh 01 tháng/01 lần; Ngày giải ngân 10/4/2020, ngày đến hạn 10/4/2021; Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh buôn bán sản phẩm thiết bị đồ dùng gia đình (thiết bị đồ điện gia dụng).

Tổng số tiền mà Công ty TNHH D vay của Ngân hàng TMCP V là 4.621.086.544 đồng (Bốn tỷ sáu trăm hai mươi mốt triệu không trăm tám mươi sáu nghìn năm trăm bốn mươi bốn đồng).

Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế không có tài sản đảm bảo số 26062018/SME/LTK ký ngày 26/6/2018 với các nội dung tóm tắt như sau: Hạn mức thẻ 100.000.000 đồng, thời hạn 60 tháng từ ngày 26/6/2018 đến ngày 26/6/2023, 24%/năm. Lãi suất thẻ tín dụng trong hạn này sẽ được điều chỉnh đúng theo quy định tại điều kiện giao dịch chung về phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm (dành cho khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ) được công bố trên Website, mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh buôn bán sản phẩm thiết bị đồ dùng gia đình (thiết bị đồ điện gia dụng).

Các khoản vay trên được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Nguyễn Văn H theo Hợp đồng bảo lãnh số SME/LTK/19/0029/HDBL ngày 15/5/2019. Khoản tín dụng cấp cho Công ty TNHH D không thực hiện biện pháp bảo đảm bằng thế chấp tài sản, không có đăng ký giao dịch bảo đảm.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, Công ty TNHH D đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng V đã nhiều lần liên hệ và làm việc Công ty TNHH D để yêu cầu hoàn trả nợ vay nhưng Công ty TNHH D cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án buộc:

Công ty TNHH D phải trả ngay một lần cho Ngân hàng TMCP V tổng số nợ

còn thiếu tạm tính đến ngày 30/9/2025 là: Nợ gốc hợp đồng vay: 2.762.751.277 đồng (Hai tỷ bảy trăm sáu mươi hai triệu bảy trăm năm mươi mốt nghìn hai trăm bảy mươi bảy đồng); Nợ lãi hợp đồng vay 3.709.342.907 đồng (Ba tỷ bảy trăm lẻ chín triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn chín trăm lẻ bảy đồng; Nợ gốc hợp đồng thẻ tín dụng là 99.952.670 đồng (Chín mươi chín triệu chín trăm năm mươi hai nghìn sáu trăm bảy mươi đồng); Nợ lãi hợp đồng thẻ tín dụng là 457.938.788 đồng (Bốn trăm năm mươi bảy triệu chín trăm ba mươi tám nghìn bảy trăm tám mươi tám đồng). Tổng cộng là: 7.029.985.642 đồng (Bảy tỷ không trăm hai mươi chín triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn sáu trăm bốn mươi hai đồng). Ngoài ra, kể từ ngày 01/10/2025, Công ty TNHH D vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng TMCP V.

Trường hợp Công ty TNHH D không thanh toán theo yêu cầu nêu trên, bên bảo lãnh là ông Nguyễn Văn H có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay nêu trên theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Phía nguyên đơn: Không yêu cầu Toà án triệu tập thêm người tham gia tố tụng nào khác và sớm đưa vụ án ra xét xử không phải hoà giải thêm.

Ngân hàng TMCP V xác định chỉ yêu cầu một mình ông Nguyễn Văn H có trách nhiệm thanh toán toàn bộ các khoản vay nêu trên theo các hợp đồng bảo lãnh đã ký, không yêu cầu ai khác liên đới trả nợ với ông Nguyễn Văn H. Ngân hàng TMCP V không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm người tham gia tố tụng nào khác. Ngân hàng TMCP V xác định không yêu cầu bà Thảo phải có trách nhiệm thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP V không yêu cầu và cũng như liên đới với ông Nguyễn Văn H trả nợ cho Ngân hàng TMCP V.

Tại phiên Tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên.

Bị đơn Công ty TNHH D có người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Văn H đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, mặc dù đã được Tòa án tiến triệu tập hợp lệ do đó Tòa án không thể thu thập được lời khai của đương sự tại Tòa cũng như không tiến hành hòa giải được.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Phương Th là thành viên góp vốn của Công ty TNHH D nhưng Ngân hàng TMCP V xác định không yêu cầu bà Thảo phải có trách nhiệm thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP V không yêu cầu và cũng như liên đới với ông Nguyễn Văn H trả nợ cho Ngân hàng TMCP V. Bà Thảo là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, mặc dù đã được Tòa án tiến triệu tập hợp lệ do đó Tòa án không thể thu thập được lời khai của đương sự tại Tòa cũng như không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Nguyên đơn chấp hành tốt pháp luật

tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự; Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành chưa tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự. Về phần nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Công ty TNHH D, ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Phương Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét thấy, đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng tín dụng, bị đơn là Công ty TNHH D có trụ sở tại phường Phú Định (Phường 16, Quận 8 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Phương Th có nơi cư trú cuối cùng tại số g, đường h, phường Bình Phú (Phường 16, Quận 8 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. Theo kết quả xác minh tại Công an Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh: "Qua xác minh tại số g, đường h, phường Bình Phú (Phường 16, Quận 8 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. Đương sự Nguyễn Văn H không có, đăng kí thường trú, tạm trú hay cư trú tại địa chỉ trên; "Qua rà soát tại địa chỉ: số c đường d chưa ghi nhận có Công ty TNHH D. Không có nhân khẩu tên Nguyễn Văn H cư trú. Hiện địa chỉ: số c đường d không có nhân khẩu cư trú". Kết quả xác minh của Công an phường Nhị Mỹ, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang: "Căn cứ nội dung xác minh Công an phường Nhị Mỹ, tx Cai Lậy, Tiền Giang trả lời xác minh như sau: đương sự Nguyễn Văn H, sinh năm: 1984. Hiện tại có hộ khẩu thường trú tại: Tổ 12, Khu phố M, Phường Nhị Mỹ, thị xã Cai Lậy, Tiền Giang; Hiện tại không có mặt tại địa phương; Đi đâu làm gì thì không rõ. Do đó, không xác định được nơi cư trú hiện tại của ông Hiểu và bà Thảo do không tìm được địa chỉ khác của đương sự và việc niêm yết công khai không bảo đảm cho người được cấp, tống đạt, thông báo nhận được thông tin về văn bản cần được cấp, tống đạt, thông báo nên Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu nguyên đơn thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, thông báo đã được đăng trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án, Báo Thanh Niên, Đài tiếng nói Việt Nam theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do vậy, theo qui định tại Điều 30, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 về việc thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực, quy định về thẩm quyền phạm vi lãnh thổ của Toà án nhân dân khu vực thì vụ án kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

[3.1] Ngân hàng TMCP V yêu cầu Công ty TNHH D có trách nhiệm thanh toán số nợ tính đến ngày 30/9/2025 với tổng số tiền là 7.029.985.642 đồng (Bảy tỷ không trăm hai mươi chín triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn sáu trăm bốn mươi hai đồng), trong đó: Nợ gốc hợp đồng vay: 2.762.751.277 đồng (Hai tỷ bảy trăm sáu mươi hai triệu bảy trăm năm mươi mốt nghìn hai trăm bảy mươi bảy đồng); Nợ lãi hợp đồng vay 3.709.342.907 đồng (Ba tỷ bảy trăm lẻ chín triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn chín trăm lẻ bảy đồng; Nợ gốc hợp đồng thẻ tín dụng là 99.952.670 đồng (Chín mươi chín triệu chín trăm năm mươi hai nghìn sáu trăm bảy mươi đồng); Nợ lãi hợp đồng thẻ tín dụng là 457.938.788 đồng (Bốn trăm năm mươi bảy triệu chín trăm ba mươi tám nghìn bảy trăm tám mươi tám đồng).

[3.2] Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy đã có đủ cơ sở để xác định: Công ty TNHH D đã vay vốn tại Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh Sài Gòn theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: SME/LTK/19/0029/HDHM ký ngày 15/5/2019 được giải ngân theo các khế ước nhận nợ: Lần: 05/Số: SME/LTK/19/0029/HDHM-5 ký ngày 18/7/2019; Lần: 07/Số: SME/LTK/19/0029/HDHM-7 ký ngày 20/8/2019; Lần: 12/Số: SME/LTK/19/0029/HDHM-12 ký ngày 29/10/2019; Lần: 13/Số: SME/LTK/19/0029/HDHM-13 ký ngày 30/10/2019; Lần: 14/Số: SME/LTK/19/0029/HDHM-14 ký ngày 01/11/2019; Lần: 15/Số: SME/LTK/19/0029/HDHM-15 ký ngày 28/11/2019; Lần: 16/Số: SME/LTK/19/0029/HDHM-16 ký ngày 26/12/2019; Lần: 17/Số: SME/LTK/19/0029/HDHM-17 ký ngày 07/01/2020; Lần: 18/Số: SME/LTK/19/0029/HDHM-18 ký ngày 05/02/2020; Lần: 19/Số: SME/LTK/19/0029/HDHM-19 ký ngày 27/02/2020; Lần: 20/Số: SME/LTK/19/0029/HDHM-20 ký ngày 06/3/2020; Lần: 21/Số: SME/LTK/19/0029/HDHM-21 ký ngày 07/4/2020; Lần: 22/Số: SME/LTK/19/0029/HDHM-22 ký ngày 10/4/2020 và Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế không có tài sản đảm bảo số 26062018/SME/LTK ký ngày 26/6/2018 được ký giữa Ngân hàng TMCP V và Công ty TNHH D, nhưng Công ty đã vi phạm hợp đồng, không trả vốn lãi theo thỏa thuận. Do vậy, Ngân hàng TMCP V khởi kiện đòi số tiền bao gồm nợ gốc và nợ lãi như trên là có căn cứ cần chấp nhận giải quyết vì phù hợp với Điều 401, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[3.3] Xét Hợp đồng bảo lãnh số SME/LTK/19/0029/HDBL ngày 15/5/2019 được ký giữa Ngân hàng TMCP V và ông Nguyễn Văn H có nội dung phù hợp với quy định tại các Điều 116, 117, 335, 336, 339, 342 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên hợp đồng có hiệu lực, các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo đúng cam kết. Do vậy, có cơ sở để buộc ông Nguyễn Văn H phải trả nợ thay cho Công ty TNHH D trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán nợ cho nguyên đơn.

[4] Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 3.360.518 đồng (Ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn năm trăm mười tám đồng), bị đơn phải chịu do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì Công ty TNHH D phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 115.029.986 đồng (Một trăm mười lăm triệu không trăm hai mươi chín nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 147, 207, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 về việc thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực, quy định về thẩm quyền phạm vi lãnh thổ của Toà án nhân dân khu vực ;

Căn cứ các Điều 116, 117, 335, 336, 339, 342, 401, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V.

Buộc Công ty TNHH D có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ là 7.029.985.642 đồng (Bảy tỷ không trăm hai mươi chín triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn sáu trăm bốn mươi hai đồng), phát sinh từ Hợp đồng cho vay hạn mức số: SME/LTK/19/0029/HDHM ký ngày 15/5/2019 được giải ngân theo các khế ước nhận nợ: Lần: 05/Số: SME/LTK/19/0029/HDHM-5 ký ngày 18/7/2019; Lần: 07/Số: SME/LTK/19/0029/HDHM-7 ký ngày 20/8/2019;
Lần: 12/Số: SME/LTK/19/0029/HDHM-12 ký ngày 29/10/2019; Lần: 13/Số: SME/LTK/19/0029/HDHM-13 ký ngày 30/10/2019; Lần: 14/Số: SME/LTK/19/0029/HDHM-14 ký ngày 01/11/2019; Lần: 15/Số: SME/LTK/19/0029/HDHM-15 ký ngày 28/11/2019; Lần: 16/Số: SME/LTK/19/0029/HDHM-16 ký ngày 26/12/2019; Lần: 17/Số: SME/LTK/19/0029/HDHM-17 ký ngày 07/01/2020; Lần: 18/Số: SME/LTK/19/0029/HDHM-18 ký ngày 05/02/2020; Lần: 19/Số: SME/LTK/19/0029/HDHM-19 ký ngày 27/02/2020; Lần: 20/Số:

SME/LTK/19/0029/HDHM-20 ký ngày 06/3/2020; Lần: 21/Số: SME/LTK/19/0029/HDHM-21 ký ngày 07/4/2020; Lần: 22/Số: SME/LTK/19/0029/HDHM-22 ký ngày 10/4/2020 và Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế không có tài sản đảm bảo số 26062018/SME/LTK ký ngày 26/6/2018. Trong đó: Nợ gốc hợp đồng vay: 2.762.751.277 đồng (Hai tỷ bảy trăm sáu mươi hai triệu bảy trăm năm mươi mốt nghìn hai trăm bảy mươi bảy đồng); Nợ lãi hợp đồng vay 3.709.342.907 đồng (Ba tỷ bảy trăm lẻ chín triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn chín trăm lẻ bảy đồng; Nợ gốc hợp đồng thẻ tín dụng là 99.952.670 đồng (Chín mươi chín triệu chín trăm năm mươi hai nghìn sáu trăm bảy mươi đồng); Nợ lãi hợp đồng thẻ tín dụng là 457.938.788 đồng (Bốn trăm năm mươi bảy triệu chín trăm ba mươi tám nghìn bảy trăm tám mươi tám đồng). Thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

Trong trường hợp Công ty TNHH D không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP V, buộc ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty TNHH D toàn bộ khoản nợ nêu trên và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: SME/LTK/19/0029/HDHM ký ngày 15/5/2019 được giải ngân theo các khế ước nhận nợ và Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế không có tài sản đảm bảo số 26062018/SME/LTK ký ngày 26/6/2018.

2. Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Công ty TNHH D phải chịu và phải hoàn trả cho TMCP Việt Nam Thịnh Vượng chi phí thông báo là 3.360.518 đồng (Ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn năm trăm mười tám đồng.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH D phải chịu là 115.029.986 đồng (Một trăm mười lăm triệu không trăm hai mươi chín nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng).

Ngân hàng TMCP V không phải chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 55.284.214 đồng (Năm mươi lăm triệu hai trăm tám mươi bốn nghìn hai trăm mười bốn đồng) theo biên lai thu số AA/2021/0016259 ngày 07/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Ngân hàng TMCP V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty TNHH D, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Phương Th có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND KV10;
- THADS TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Mỹ Tiên